

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002222

Trang : 1/3

Môn học: **Máy điện (228155) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A301**

Số SV có mặt: **40**

Số bài thi: **40**

Số tờ giấy thi: **40**

Cán bộ coi thi 1 <i>Mai Văn</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Phạm Duy Phước</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Phạm Tuấn</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Thị Thanh</i>
------------------------------------	---	---------------------------------------	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122050004	TRƯỜNG KHÁNH	ÂU	12/08/2004	CCQ2205A	101	<i>Chau</i>	7.8	5.0	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122050034	ĐẶNG LÊ CHÍ	BẢO	28/05/2004	CCQ2205A	102	<i>Bao</i>	6.2	5.2	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122050009	NGUYỄN THÀNH THANH	BẢO	14/05/2004	CCQ2205A	103	<i>Bao</i>	7.0	3.8	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122050047	NGUYỄN TẤN	CHIẾN	25/06/2004	CCQ2205B	104	<i>Chen</i>	5.8	5.0	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122050043	ĐẶNG QUỐC	CƯỜNG	18/03/2004	CCQ2205B	101	<i>Quon</i>	6.6	4.4	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122050038	PHẠM THANH	DIỄN	05/05/2004	CCQ2205B	102	<i>Dieu</i>	6.2	5.0	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122050040	VŨ VĂN HÙNG	DŨNG	23/09/2003	CCQ2205B	103	<i>H</i>	7.7	4.4	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122050026	NGUYỄN XUÂN	DUY	09/12/2004	CCQ2205A	104	<i>Duy</i>	7.3	5.8	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122050042	TRẦN LÊ NHẬT	DUY	06/11/2004	CCQ2205B	101	<i>Duy</i>	6.3	5.0	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122050022	MAI QUANG	ĐẠI	10/06/2004	CCQ2205A	102	<i>DAI</i>	5.9	3.8	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122050008	LƯU BÁ	ĐÔNG	27/07/1998	CCQ2205A	103	<i>B</i>	6.4	5.0	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122050012	HUỖNH NGÔ PHƯỚC	HẢI	26/03/2004	CCQ2205A	104	<i>Hai</i>	6.4	3.6	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122050037	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	04/04/2004	CCQ2205B	101	<i>Hieu</i>	8.2	8.0	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122050023	TRẦN HỮU	HOÀNG	09/12/2004	CCQ2205A	102	<i>Hong</i>	6.4	4.0	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122050036	VÕ PHƯỚC	HON	16/04/2004	CCQ2205B	103	<i>H</i>	8.8	7.0	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122050005	NGUYỄN VĂN	HÙNG	08/07/2004	CCQ2205A	104	<i>Hung</i>	5.4	4.8	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122050046	ĐOÀN MINH	KHẢI	29/07/2004	CCQ2205B	101	<i>Khai</i>	6.5	5.2	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122050045	PHAN VĂN	KHẢI	31/08/2003	CCQ2205B	102	<i>Khai</i>	6.3	4.4	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122050029	LƯƠNG DUY	KHOA	11/06/2003	CCQ2205A	103	<i>Khoa</i>	6.9	5.2	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122050150	NGUYỄN ANH	KHOA	17/02/2002	CCQ2205A		<i>Cam Thi</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002222

Trang : 2/3

Môn học: **Máy điện (228155) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A301**

Số SV có mặt: 40
Số bài thi: 40
Số tờ giấy thi: 40

Cán bộ coi thi 1 <i>Mai Văn</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Phạm Văn</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Phạm Văn</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Le</i>
------------------------------------	-------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122050011	CAO HOÀNG PHƯƠNG NAM	31/10/2004	CCQ2205A		102	Nam	5,9	2,4	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122050015	TRƯƠNG ĐẮC NGỌC	17/09/2004	CCQ2205A		101	Ngoc	6,4	4,6	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122050041	NGUYỄN CHÍ NGUYỄN	21/01/2004	CCQ2205B			- Cán Thi -				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122050020	NGUYỄN LÊ HIẾU NHÂN	17/11/2004	CCQ2205A		103	Nhan	7,6	7,2	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122050031	ĐÀO MINH NHẬT	31/01/2004	CCQ2205A		102	Minh	6,4	4,4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122050017	HUỖNH TUẤN NHẬT	05/03/2004	CCQ2205A		101	Nhan	7,3	6,2	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122050003	NGUYỄN MINH NHẬT	06/01/2004	CCQ2205A		104	Minh	6,2	3,4	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122050028	LÊ MẬU HẢI QUÂN	09/03/2004	CCQ2205A		103	Hai	5,3	2,4	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122050032	LÊ NAM QUỐC	26/03/2004	CCQ2205A		101	Quoc	7,5	4,0	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122050018	TRƯƠNG TẤN TÀI	02/01/2004	CCQ2205A		101	Tai	6,8	4,4	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122050027	NGUYỄN THÀNH THÁI	13/04/2004	CCQ2205A		104	Thai	8,1	5,8	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122050030	KHÊ NHƯ THUẦN	13/09/2004	CCQ2205A		103	Nhu	5,7	4,5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122050019	NGUYỄN VĂN MINH THUẬN	12/03/2004	CCQ2205A		104	Thuan	6,4	5,2	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122050021	PHẠM VĂN THIÊN THUẬT	19/01/2001	CCQ2205A		101	Thien	6,2	3,6	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122050006	NGUYỄN DUY TIỀN	09/01/2003	CCQ2205A		102	Tien	6,2	4,2	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2122050035	ĐÀO PHÚ MINH TRỊNH	11/04/2004	CCQ2205A		103	Trinh	5,8	6,6	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2122050025	ĐẶNG MINH TRỰC	07/01/2004	CCQ2205A		104	Truc	5,7	5,2	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2122050014	HUỖNH VĂN TRƯỜNG	07/01/2004	CCQ2205A		101	Truong	6,6	3,8	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2122050016	HỒ MINH TUẤN	22/08/2004	CCQ2205A		102	Tuan	6,0	3,4	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2122050024	NGUYỄN VĂN TUẤN	24/08/2004	CCQ2205A		103	Tuan	6,7	4,4	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002222

Trang : 3/3

Môn học: **Máy điện (228155) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A301**

Số SV có mặt: **40**

Số bài thi: **40**

Số tờ giấy thi: **40**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2122050039	LÊ VĂN TƯỜNG	01/04/2004	CCQ2205B		104	<i>Tường</i>	7,8	6,0	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2122050010	NGUYỄN QUỐC VIỆT	17/05/2004	CCQ2205A		101	<i>Việt</i>	6,1	3,8	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002223

Trang : 1/2

Môn học: **Máy điện (228155) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A305**

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Phạm T. Anh</i>	<i>Nguyễn Thị Tiên</i>	<i>Phạm T. Sui</i>	<i>Trần Thị Thanh Lê</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122050050	LÊ ĐÌNH TRƯỜNG AN	02/09/2004	CCQ2205B		102	<i>An</i>	7.7	5.8	6.6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122050063	NGUYỄN XUÂN ANH	15/07/2004	CCQ2205B			Cán Thi				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2119050001	PHẠM THẾ ANH	12/08/2001	CCQ1905A		104	<i>Phạm Thế Anh</i>	5.8	4.9	5.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122050060	THÁI QUYỀN ANH	24/02/2004	CCQ2205B		102	<i>Thái Quyền</i>	5.9	4.8	5.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122060023	TRẦN THANH ÂN	05/11/2002	CCQ2205A		104	<i>An</i>	6.7	4.0	5.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122050146	BÙI QUỐC DUY	06/01/2004	CCQ2205B		102	<i>Duy</i>	6.7	5.4	5.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122050065	LÊ KHÁNH DUY	10/01/2004	CCQ2205B		104	<i>Duy</i>	5.8	4.8	5.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2118050076	VĂN THÀNH ĐẠT	08/07/2000	CCQ1805B		102	<i>Đạt</i>	6.2	4.4	5.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122050062	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	16/01/2003	CCQ2205B		104	<i>Đức</i>	5.9	4.4	5.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122050120	PHẠM THANH HẢI	25/01/2004	CCQ2205A		102	<i>Hải</i>	6.6	5.6	6.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122050119	TRƯƠNG MINH HIỂN	16/11/2004	CCQ2205A		103	<i>Hiển</i>	6.6	5.2	5.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122050054	VŨ GIA HUY	04/06/2004	CCQ2205B			Cán Thi				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122050059	PHAN TRỌNG HỮU	23/03/2004	CCQ2205B		101	<i>Hữu</i>	5.7	4.5	5.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122050001	TRẦN QUỐC KHÁNH	03/09/2001	CCQ2205A		103	<i>Khánh</i>	5.7	3.2	4.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122050053	NGUYỄN PHẠM HOÀNG MINH	20/11/2004	CCQ2205B		101	<i>Minh</i>	7.6	5.2	6.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122050067	NGUYỄN TẤN GIA NGUYỄN	30/04/2004	CCQ2205B		103	<i>Nguyễn Tấn Gia</i>	6.3	6.2	6.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122050136	TRẦN KHẮC NHÂN	24/03/2004	CCQ2205B		101	<i>Nhân</i>	6.6	4.5	5.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122050068	NGUYỄN HỮU PHÁT	19/02/2003	CCQ2205B		103	<i>Phát</i>	5.9	4.8	5.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122170513	NGUYỄN TẤN PHÚ	17/06/2004	CCQ2205A			Cán Thi				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122050069	HUYỀNH NGỌC PHÚC	10/12/2003	CCQ2205B		103	<i>Phúc</i>	6.0	5.2	5.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002223

Trang : 2/2

Môn học: **Máy điện (228155) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A305**

Số SV có mặt: ...3...2...

Số bài thi:3...2.....

Số tờ giấy thi: 3...2...

Cán bộ coi thi 1 <i>Phạm T. Sưu</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Hoàng Thị Thuý Tiên</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Phạm T. Sưu</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Le Xuân Thi - Xuân Lê</i>
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122050048	NGUYỄN DUY PHƯỚC	21/02/2004	CCQ2205B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2122050057	LÊ QUANG	03/08/2004	CCQ2205B		104	<i>Phu</i>	6,7	6,6	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2122050056	LÊ THANH	24/11/2004	CCQ2205B		102	<i>Qu</i>	6,7	5,4	5,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
24	2122050049	ĐẶNG MINH	17/06/2004	CCQ2205B		104	<i>Qu</i>	6,9	4,8	5,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2122050135	NGUYỄN HOÀNG	08/03/2004	CCQ2205A		102	<i>Qu</i>	5,1	3,8	4,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2122050137	TRẦN VĂN	11/02/2004	CCQ2205B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2122050121	LÊ ĐÌNH	07/04/2004	CCQ2205A		103	<i>Son</i>	6,1	4,2	5,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2122050007	NGUYỄN DUY	20/01/2004	CCQ2205A		104	<i>Tan</i>	7,3	4,6	5,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2122050051	TÔ ĐÌNH	18/06/2004	CCQ2205B		102	<i>Tha</i>	7,9	4,4	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2122050061	HUỲNH QUỐC	03/07/2004	CCQ2205B		104	<i>Tha</i>	7,8	5,6	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2122050055	TRẦN NGỌC	03/07/2004	CCQ2205B		103	<i>Qu</i>	7,0	5,4	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2122050064	VẠN TRUNG	05/10/2004	CCQ2205B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2122050066	HỒ MẠNH	27/03/2004	CCQ2205B		103	<i>Tha</i>	7,1	5,6	6,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2122050058	ĐẶNG MINH	12/02/2004	CCQ2205B		104	<i>Trang</i>	5,5	3,8	4,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2122050052	VŨ VĂN	25/04/2004	CCQ2205B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2122050114	NGUYỄN VĂN	08/03/2004	CCQ2205B		101	<i>Tha</i>	5,2	4,9	5,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2122050138	NGUYỄN ANH	03/04/2003	CCQ2205B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	2122140015	NGÔ HOÀNG	07/07/2004	CCQ2205A		101	<i>Vu</i>	5,8	5,2	5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	2122110207	NGUYỄN TRÍ TUẤN	14/03/2004	CCQ2205B		103	<i>Qu</i>	6,4	4,4	5,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	2122050145	NGUYỄN THANH	24/08/2004	CCQ2205B		101	<i>Vuong</i>	4,8	3,8	4,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi